

Số: 01/2025/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ lãnh đạo, quản lý còn độ tuổi công tác dưới 01 nhiệm kỳ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2025 - 2029

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 quy định về tinh giản biên chế; số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 quy định chế độ chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng;

Xét Tờ trình số 1261/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ lãnh đạo, quản lý còn độ tuổi công tác dưới 01 nhiệm kỳ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2025 - 2029; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-HĐND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố), cấp xã (xã, phường, thị trấn) còn độ tuổi công tác

dưới 01 nhiệm kỳ (05 năm) nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu nhằm phục vụ công tác nhân sự đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy cấp xã.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện sắp xếp, bố trí nhân sự phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

Các đối tượng không áp dụng theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ và Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện hưởng chính sách

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ, nghỉ trước ngày khai mạc đại hội hoặc trước ngày bầu cử cùng cấp không quá 12 tháng.

b) Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, nghỉ trước thời gian tổ chức đại hội Đảng, đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên 03 tháng; nghỉ trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên 03 tháng.

c) Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ nhưng không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, nghỉ trước thời gian tổ chức đại hội Đảng, đại hội Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp từ 06 tháng đến 12 tháng.

2. Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì không áp dụng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ và ngược lại.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ, ngoài chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP được hỗ trợ thêm một lần bằng 70% mức trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP.

2. Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ, ngoài chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP được hỗ trợ thêm một lần bằng 70% mức trợ cấp theo cách tính hưởng chế độ trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP.

3. Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, ngoài chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP được hỗ trợ thêm một lần bằng 90% mức trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

4. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm một lần bằng 90% mức trợ cấp theo cách tính quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành, kinh phí thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ lãnh đạo, quản lý còn độ tuổi công tác dưới 01 nhiệm kỳ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2024 - 2029 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

2. Các trường hợp đang thực hiện giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành quyết định hưởng chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Chỉ đạo cân đối, bố trí đủ nguồn lực thực hiện Nghị quyết; tuyên truyền, phổ biến chính sách, tạo sự đồng thuận khi triển khai thực hiện. Kịp thời theo dõi, đánh giá việc thực hiện và tổng hợp những vướng mắc, khó khăn (nếu có) trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ hai mươi chín thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ủy ban CTĐB;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (02).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng